

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12 /2025/DS-ST

Ngày: 21/02/2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lâm.

2. Bà Nguyễn Thị Thơm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Diệu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1975. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979. (Vắng mặt)

Địa chỉ ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2024, bản tự khai ngày 14/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Ngày

20/4/2018 (al) bà Nguyễn Thị L có vay của bà số tiền 350.000.000đ và 10 chỉ vàng 18K, mục đích vay để làm vốn thuê đất trồng cam, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 20/4/2020. Việc vay mượn tiền không có lãi và bà L có viết Giấy mượn tiền đề ngày 20/4/2018 (al). Đến thời hạn trả tiền theo thỏa thuận nhưng bà L không trả, bà nhiều lần liên hệ nhưng bà L vẫn không trả. Bà khởi kiện yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền còn nợ là 350.000.000đ và 10 chỉ vàng 18K.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần bị đơn là bà Nguyễn Thị L đến Tòa án để tham gia hòa giải nhưng bà L vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tham gia các phiên họp, phiên tòa là không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn cơ bản chấp hành đúng quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị C số tiền vốn 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) và 10 (*Mười*) chỉ vàng 18K.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về lãi suất chậm trả và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về sự có mặt của đương sự*: Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị L trả số tiền vốn còn nợ là 350.000.000đ và 10 chỉ vàng 18K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ngày 20/4/2018 (al) bà Nguyễn Thị L có vay của bà Nguyễn Thị C số tiền 350.000.000đ và 10 chỉ vàng 18K, mục đích vay để làm vốn thuê đất trồng cam, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 20/4/2020, không có thỏa thuận lãi suất. Khi vay tiền bà L có viết Giấy mượn tiền đề ngày 20/4/2018 (al) thể hiện người mượn tiền là Nguyễn Thị L. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giữa bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị L có xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày mục đích bà Nguyễn Thị L vay tiền là để thuê đất trồng cam, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 20/4/2020 al nhưng đến hạn bà L không trả, bà C nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà L vẫn không trả. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L nhưng bà L không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà C. Chứng tỏ, bà L còn nợ bà C số tiền vốn 350.000.000đ và 10 chỉ vàng 18K là có thật nhưng đến hạn trả nợ bà L không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, bà C yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 350.000.000đ và 10 chỉ vàng 18K là có căn cứ chấp nhận phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[2.3] Về lãi suất: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C được chấp nhận toàn bộ nên buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 20.400.000đ (*Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng*). (Tính giá vàng 18K là 6.000.000đ/chỉ).

[4] Từ những phân tích, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị C số tiền vốn còn nợ 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) và 10 (*Mười*) chỉ vàng 18K.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/02/2025) nếu bị đơn chưa trả xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ nộp số tiền 20.400.000đ (*Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị C số tiền 10.210.000đ (*Mười triệu hai trăm mười nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011707 ngày 11/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Nguyễn Thị Thu Nga